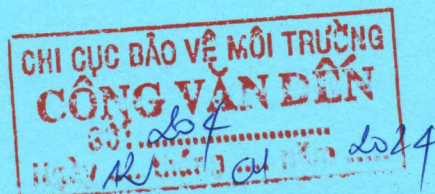


CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ



BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2023

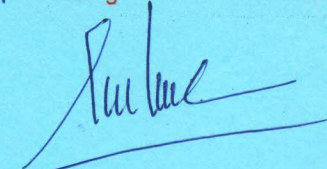
NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

(KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ)

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Q. BÌNH THỦY

ĐẾN Số:.....
Ngày: 15/01/2024.....
Chuyên:.....
Lưu hồ sơ số:.....

CÔNG TY CP XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
XÁC NHẬN
Ngày: 12 tháng 01 năm 2024


Trần Thị Diễm Phúc

CẦN THƠ, THÁNG 01 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ**

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2023**

NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

(KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Dương

CẦN THƠ, THÁNG 01 NĂM 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG	ii
Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	4
1. Công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải	4
1.1. Xử lý nước thải	4
1.2. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải	5
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải	5
2.1. Xử lý khí thải	5
2.2. Kết quả quan trắc khí thải	6
3. Về quản lý chất thải rắn thông thường	6
4. Về quản lý chất thải nguy hại	9
5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	10
5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường	10
5.2. Báo cáo thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường	10
6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền:	11
PHỤ LỤC	12

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt:	6
Bảng 2. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	7
Bảng 3. Thống kê chất thải nguy hại	9

Số: 01/BC- NMSCT/24

Cần Thơ, ngày 11 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2023

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: **Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**
- **Nhà máy sữa Cần Thơ**
- Địa chỉ: KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Điện thoại: 02926 258555
- Người đại diện: Ông Phạm Minh Dương Chức vụ: Giám Đốc
- Loại hình sản xuất: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
- Quy mô, công suất: 300.000 tấn/năm
- Tần suất hoạt động: thường xuyên
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 0300588569-016;
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1745/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 05 năm 2018 của dự án “Nhà máy Sữa Cần Thơ, nâng công suất từ 183.200 tấn sản phẩm/năm lên 300.000 tấn sản phẩm/năm”
- Giấy phép môi trường: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 17/GXN-BTNMT cấp ngày 10/02/2020 của dự án “Nhà máy Sữa Cần Thơ, nâng công suất từ 183.200 tấn sản phẩm/năm lên 300.000 tấn sản phẩm/năm”.
- Giấy phép xả thải: Nhà máy sữa Cần Thơ không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải vào nguồn nước.
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH số 92.000012.T do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 11/09/2014.
- Mã số thuế: 0300588569-016
- Giấy chứng nhận ISO 14001: 2015 số EMS 65230 do tổ chức BSI chứng nhận.

- Khối lượng sản phẩm năm 2022 và năm 2023:

Sản phẩm	Năm 2022 (tấn/năm)	Năm 2023 (tấn/năm)
Sữa và các sản phẩm từ sữa	128.071	125.247

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ năm 2022 và 2023:

Lượng nhiên liệu/điện/nước tiêu thụ	Năm 2022	Năm 2023
Nhiên liệu		
- Dầu DO (lít)	126.939	124.099
- Dầu FO (lít)	33.008	16.420
- LPG (kg)	35.830	29.067
- Hơi mua ngoài (tấn)	18.713	18.513
Điện (kwh/năm)		
- Điện mua của điện lực	11.244.224	10.521.325
- Điện NLMT	157.834	954.474
Nước thủy cục (m³/năm)	347.945	344.205

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Các công trình xử lý nước thải bao gồm hệ thống xử lý nước thải tập trung 1.000 m³/ngày đêm và bể tự hoại.

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp và sinh hoạt phát sinh trung bình năm 2022: 720 m³/ngày đêm

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp và sinh hoạt phát sinh trung bình năm 2023: 723 m³/ngày đêm

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được phê duyệt trong báo cáo ĐTM: 41,49 m³/h

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh được phê duyệt trong báo cáo ĐTM: 920 m³/h

- Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại và nước thải sản xuất được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải của nhà máy hoạt động hiệu quả, kết quả quan trắc chất lượng nước thải đầu ra hằng quý có giá trị các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT cột A. Nguồn tiếp nhận nước thải tại vị trí thu gom nước thải KCN Trà Nóc.

Công ty đã thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trà Nóc theo hợp đồng số 02/HĐ/XLNT.KCN ký ngày 25/07/2019; Bản bổ sung, điều chỉnh số 01/PLHĐ/XLNT.KCN/2022 ký ngày 28/06/2022. Bản bổ sung, điều chỉnh số 01/PLHĐ/XLNT.KCN/2023 ký ngày 28/06/2023;

1.2. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc:

+ Quý I/2023: 28/3/2023

+ Quý II/2023: 26/6/2023

+ Quý III/2023: 22/9/2023

+ Quý IV/2023: 28/11/2023

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần

- Vị trí quan trắc và số lượng mẫu: Nước thải tại hố ga thoát nước

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam (Vimcerts 039)

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có): Không có thông số vượt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Lò hơi của nhà máy chỉ chạy trong chế độ dự phòng và cấp hơi cho nhà máy trong trường hợp bên đơn vị cấp hơi có sự cố. Toàn bộ lượng hơi cung cấp cho quá trình sản xuất của nhà máy hiện nay do Công ty cổ phần năng lượng điện hơi công nghiệp Việt Nam – Vineiges cung cấp theo hợp đồng mua bán hơi số 01-2023/VINAIGES-VINAMILK. Toàn bộ khí thải phát sinh từ lò hơi được nhà máy thu gom và dẫn qua hệ

thống xử lý khí thải lò hơi, chất lượng khí thải đầu ra đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ – QCVN 19:2009/BTNMT cột B

- Các công trình xử lý khí thải tại nhà máy: 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ, và 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi 2 tấn/giờ.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

- Thời gian quan trắc:

+ Quý I/2023: 28/3/2023

+ Quý II/2023: 26/6/2023

+ Quý III/2023: 22/9/2023

+ Quý IV/2023: 28/11/2023

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần

- Vị trí quan trắc và số lượng mẫu: Mẫu khí thải được thu tại 1 vị trí ống khói lò hơi C công suất 4 tấn/h, 1 vị trí tại ống khói lò hơi B công suất 2 tấn/h, 1 vị trí tại ống khói lò hơi A công suất 2 tấn/h, tại ống khói máy phát Virtus, tại ống khói máy phát Dale (FG Wilson).

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 05 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam (Vimcerts 039)

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có): Không có thông số vượt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Bảng 1. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng năm 2023 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2022 (kg/năm)
1	Tổng khối lượng CTRSH	55.080	Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ	59.670

Lượng rác sinh hoạt phát sinh khoảng 55.080 kg/năm. Trữ tại kho rác thải không nguy hại của Nhà máy và báo cho nhà cung cấp đến lấy hàng ngày. Nhà máy hợp đồng

với Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ để vận chuyển và xử lý theo Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt số 03/12/HĐDV.BT/23 ký ngày 15/12/2022.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bảng 2. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Nhóm CTR công nghiệp thông thường	Số lượng năm 2023 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTR công nghiệp thông thường	Số lượng năm 2022 (kg/năm)
1	Bao PP đường 50 kg nội địa các loại (nguyên)	40.674	- Cơ sở thu mua phế liệu Trần Bích Thủy Địa chỉ: Khu vực Thới Đông, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ - Công ty TNHH TM và SX Ngọc Tân Kiên Địa chỉ: 481 Kinh Dương Vương, P. An lạc, Q. Bình Tân, TP. HCM.	39.697
2	Bao PP đường 50 kg nội địa các loại (rách)	1.363		594
3	Bao PP bọc ngoài túi dầu cọ	1.080		5.760
4	Bao giấy bột sữa 2, 3 lớp (rách)	126.436		129.848
5	Thùng carton, bìa carton các loại	59.697		56.259
6	Lõi giấy	2.377		2.405
7	Bao nylon đường, bột sữa màu trắng	12.259		11.759
8	Bao nylon đường, bột sữa màu xanh	7.570		8.271
9	Phuy đựng bơ 210 lít (nguyên)	2.782		4.186
10	Phuy đựng bơ 210 lít (móp, méo, thùng, đã khai nắp)	1.872		2.795
11	Phuy đựng bơ 190 lít (nguyên)	34		0
12	Phuy 200 lít đựng mứt, Lecithin, dầu dừa (nguyên)	3.848		3.380
13	Phuy 190 kg đựng dầu cọ (nguyên)	640		1.560
14	Phuy 190 kg đựng dầu cọ (móp, méo, thùng, đã khai nắp)	390		1.232
15	Can nhựa xanh 20 kg	156		184
16	Can nhựa xanh 5 kg	49		57
17	Can nhựa trắng 10 kg	0		5
18	Thiếc lót kiện thiếc (trên)	357		472
19	Thiếc lót kiện thiếc (dưới)	580		739
20	Ba vó thiếc, thiếc thân nắp bị hư	2.325		2.913
21	Thiếc rêu 3x4	8.085		9.404
22	Thiếc cuộn thân lon (cắt xéo, hư)	300		349
23	Lon thiếc hư	2.777		12.508
24	Nắp thiếc hư	640		740
25	Thiếc phế liệu tấm đã dập lấy nắp	20.815		25.380
26	Sắt góc nẹp kiện thiếc	465		630
27	Sắt cây bảo vệ túi dầu cọ (Thắng, nguyên vẹn, không rỉ sét)	0		2.548
28	Sắt cây bảo vệ túi dầu cọ (Cong vênh, rỉ sét)	0		2.020

TT	Nhóm CTR công nghiệp thông thường	Số lượng năm 2023 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTR công nghiệp thông thường	Số lượng năm 2022 (kg/năm)
29	Màng nhựa thân hũ sữa chua, sữa vi, ly phế liệu (trắng)	5.566		5.525
30	Màng nhựa thân hũ sữa chua, sữa vi, ly phế liệu (màu)	550		577
31	Ba via nhựa sữa chua, sữa vi, ly (trắng)	32.462		32.227
32	Ba via nhựa sữa chua, sữa vi, ly (màu)	2.739		3.326
33	Vỏ hũ sữa chua phế liệu (trắng)	5.783		5.680
34	Vỏ hũ sữa chua phế liệu (màu)	383		441
35	Lõi cuộn Strip	2.980		2.958
36	Pallet nhựa loại nhỏ, màu xanh (chứa màng nhựa sữa chua)	1.265		990
37	Pallet đựng bao bì Tetrapak (gỗ thông)	7.420		3.822
38	Pallet đựng bao bì Combiloc (gỗ thông)	2.061		9.108
39	Pallet đựng các loại bao bì khác (gỗ tạp, ván ép)	34.476		0
40	Pallet kiện thiếc	2.353		2.119
41	Pallet loại nhỏ (nhựa sữa chua, sữa vi)	3.288		6.006
42	Pallet bột sữa	1.575		600
43	Dây đồng vụn	0		118
44	Sắt vụn phế liệu	6.762		7.095
45	Inox vụn phế liệu	804		260
46	Nhôm vụn phế liệu	303		30
47	Gỗ củi	39.241		0
48	Bùn thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	1.543.710	- Công Ty TNHH Dasaco Hậu Giang Địa chỉ: Khu Nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ cao Hậu Giang, ấp 11, TT Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	1.461.860

Chất thải trong quá trình sản xuất được phân ra thành từng loại khác nhau để xử lý thích hợp. Các bao bì hư trong quá trình đóng gói sản phẩm được công nhân thu gom định kỳ mỗi ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu;

+ Phế liệu: Thực hiện hợp đồng mua bán phế liệu với:

- Công ty TNHH TM –SX Ngọc Tân Kiên theo hợp đồng số 04/12/CT-HĐMB/22 ngày 20/12/2022

- Cơ sở thu mua phế liệu và sơ chế nhựa Trần Bích Thủy theo hợp đồng số 03/12/CT-HĐMB/22 ngày 20/12/2022

+ Bùn thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại: Được thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng số 2812/12/SCT-DSC0/22 ngày 28/12/2022

4. Về quản lý chất thải nguy hại

Bảng 3. Thống kê chất thải nguy hại

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2023 (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức các nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2022 (kg/năm)
Dầu nhớt thải	17 02 04	1.814,4	TC-TĐ	- Tên: Công ty TNHH TM –SX Ngọc Tân Kiên - Mã số QL CTNH: 1-2-3-4-5-6.029.VX	2.344,4
Mực in thải	08 02 01	5,3	TĐ		5,2
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	4,4	HR		17,1
Hộp mực thải	08 02 04	90,4	TĐ		69,6
Pin - Bình ắc quy thải	16 01 12	145,5	PT-TC		695,1
Bao bì mềm thải	18 01 01	671,0	TĐ		522,4
Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	581,7	TĐ		587,9
Linh điện điện tử	16 01 13	0,0	PT-TC		0,0
Chất thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi (cặn muội than)	04 02 03	6,8	TĐ		12,0
Bao bì cứng thải	18 01 02		TC		142,8

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2023 (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức các nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2022 (kg/năm)
bằng kim loại		114,7			
Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	95,2	TC		117,6
Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	231,8	TC		233,9
Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	4,0	HR		3,5
Xi hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 02	3,2	HR		3,9
TỔNG CỘNG		3768,4			4.755,4

Trừ trường hợp tái sử dụng trực tiếp, ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác: PH (Phá hủy)

CTNH được trữ tại kho rác thải nguy hại của Nhà máy và báo cho đơn vị có chức năng đến thu gom xử lý định kỳ 6 tháng/1 lần. Nhà máy đã đăng ký sở chủ nguồn chất thải nguy hại số 92.000012.T Ngày cấp: 11/09/2014. Nhà máy đã thực hiện hợp đồng thu gom và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Ngọc Tân Kiên, hợp đồng số 01/12/SCT-NTK/22 ký ngày 21/12/2022

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

- Xác định các nguyên nhân tiềm ẩn có thể dẫn đến sự cố môi trường
- Dựa trên điều kiện cụ thể của Công ty để xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường. Tổ chức tập huấn, phổ biến cho các cán bộ, công nhân trong nhà máy nắm rõ và thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

5.2. Báo cáo thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

- Có đầy đủ hồ sơ pháp lý về môi trường theo quy định;

- Đảm bảo có đủ nguồn nhân lực, trang thiết bị, phương tiện, cơ sở hạ tầng cần thiết cho việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, bổ sung và thay thế các thiết bị, phương tiện, cơ sở hạ tầng để đảm bảo khả năng sử dụng hiệu quả trong mọi tình huống;

- Hằng năm tổ chức đào tạo, tập huấn và diễn tập phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tới cán bộ, công nhân, người lao động trong công ty (diễn tập phòng cháy chữa cháy)

- Tiến hành kiểm tra thường xuyên các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sự cố môi trường.

- Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại công ty: Trong năm 2023, công ty không xảy ra sự cố môi trường

6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

Không có

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Chi cục BVMT Cần Thơ;
- Ban quản lý Các KCX&CN Cần Thơ
- Trung tâm Xây dựng Hạ tầng KCN
- Lưu: VT

Cần Thơ, ngày 11 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Dương